

Chương 4

TÍNH GIÁ CÁC ĐỐI TƯỢNG KẾ TOÁN

GV: Dương Nguyễn Thanh Tâm



NỘI DUNG

1. Khái niệm – Yêu cầu của tính giá

2. Một số loại giá sử dụng trong kế toán

3. Tính giá một số đối tượng kế toán chủ yếu

4. Trình tự tính giá

5. Ý nghĩa của tính giá



Tại sao cần tính giá đối tượng kế toán?

Một số loại tài sản tại đơn vị SX hàng may mặc:

- Xe ô tô: 04 chiếc.
- Nhà xưởng: 02 xưởng.
- Máy may: 50 máy.
- Vải: 10.000 m.
- Tiền mặt: 500 triệu đồng và 100.000 USD

Làm thế nào để tập hợp toàn bộ giá trị tài sản của đơn vị?



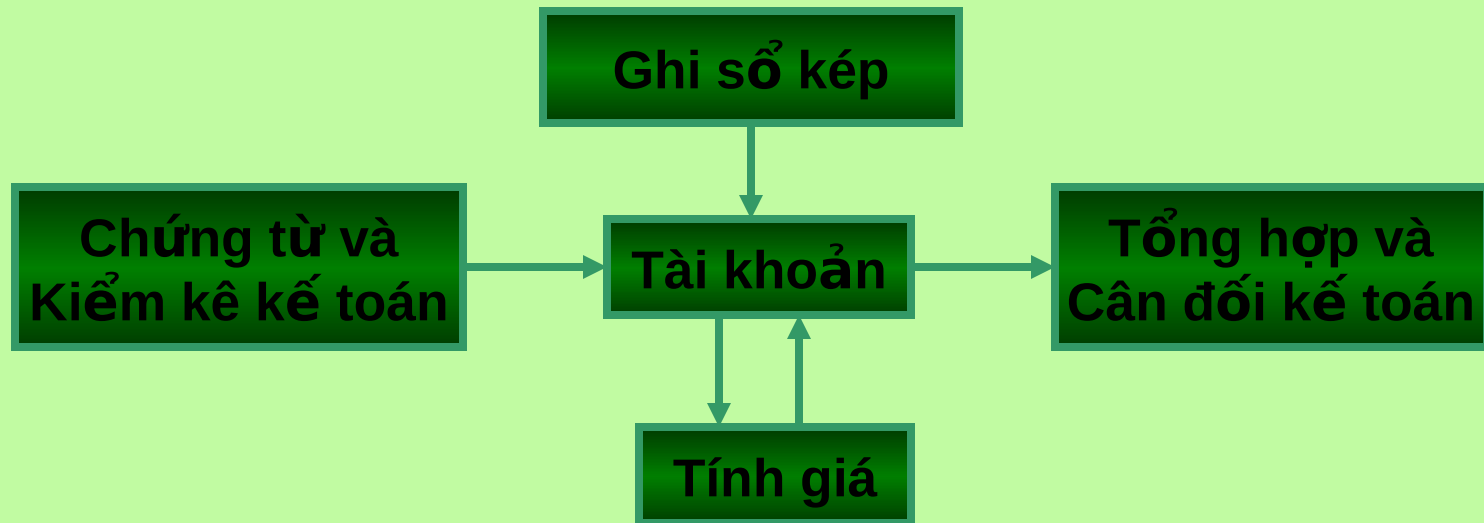
1. Khái niệm – Yêu cầu của tính giá

❖ **Khái niệm:**

Tính giá

- Là phương pháp kế toán
- Sử dụng **thước đo giá trị** để biểu hiện các loại tài sản khác nhau

CÁC PHƯƠNG PHÁP KẾ TOÁN



Sơ đồ mối quan hệ giữa các phương pháp kế toán



1. Khái niệm – Yêu cầu của tính giá

❖ **Yêu cầu của tính giá:**

- **CHÍNH XÁC:** Toàn bộ chi phí hình thành nên tài sản của đơn vị phải được ghi chép tính toán chính xác theo từng loại.
- **THỐNG NHẤT:** Việc áp dụng phương pháp tính toán, xác định giá trị tài sản cùng loại giữa các đơn vị khác nhau phải như nhau.
- **NHẤT QUÁN:** Phương pháp tính toán, xác định giá tài sản giữa các kỳ kế toán phải ổn định.



2. Một số loại giá sử dụng trong kế toán

1 GIÁ GỐC

❖ **Khái niệm:**

- Là giá được tính theo **số tiền** hoặc **khoản tương đương tiền đã trả, phải trả**
- Hoặc tính theo **giá trị hợp lý** của tài sản đó vào thời điểm tài sản được ghi nhận.

(VSA 01)



2. Một số loại giá sử dụng trong kế toán

1 GIÁ GỐC

❖ Đặc điểm:

- Được ghi nhận tại thời điểm tài sản tham gia vào khối tài sản chung của đơn vị.
- Thường không thay đổi ngay cả khi giá của tài sản trên thị trường của tài sản thay đổi.



2. Một số loại giá sử dụng trong kế toán

② GIÁ HẠCH TOÁN:

❖ Khái niệm:

- Là giá **do đơn vị xây dựng**
- Cho từng đối tượng kế toán **cụ thể**
- Chỉ sử dụng trong **nội bộ** đơn vị.

❖ Mục đích:

- Giúp đơn giản bớt công việc tính toán.
- Đảm bảo việc ghi sổ kế toán kịp thời.



2. Một số loại giá sử dụng trong kế toán

② GIÁ HẠCH TOÁN:

❖ Đặc điểm:

- Có tính chất ổn định tương đối.
- Sử dụng tạm thời → Cuối kỳ kế toán, phải điều chỉnh giá hạch toán đã ghi sổ hàng ngày trở lại giá thực tế.

❖ Cách lựa chọn:

- Thường sử dụng **giá kế hoạch** hoặc **giá cuối kỳ trước** làm giá hạch toán cho kỳ này.



3. Tính giá một số đối tượng kế toán chủ yếu

3.1 Tính giá Tài sản cố định

3.2 Tính giá thực tế NVL, CCDC, hàng hóa

3.3 Tính giá thành phẩm nhập kho

3.4 Tính giá chứng khoán

3.5 Tính giá Ngoại tệ, vàng bạc, đá quý



3.1 Tính giá tài sản cố định

- **Tính giá TSCĐ hữu hình:**

❖ **Khái niệm TSCĐ HH:** (VSA 03)

- Là tài sản có hình thái vật chất do doanh nghiệp nắm giữ để sử dụng cho hoạt động SXKD
- Phù hợp với tiêu chuẩn ghi nhận TSCĐ HH.

- **Tiêu chuẩn ghi nhận TSCĐ HH:**

- + Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng TSCĐ HH đó
- + Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách đáng tin cậy
- + Thời gian sử dụng ước tính trên 1 năm
- + Có đủ tiêu chuẩn giá trị hiện hành.

(VSA 03)



3.1 Tính giá tài sản cố định

- **Tính giá TSCĐ hữu hình:**
 - TSCĐ HH được tính theo giá gốc.
→ Giá gốc của TSCĐ HH được gọi là nguyên giá
 - Nguyên giá của TSCĐ HH:
 - + Là **toàn bộ các chi phí** mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được TSCĐ HH.
 - + Tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

(VSA 03)



3.1 Tính giá tài sản cố định

- Tính giá TSCĐ hữu hình:

- **TSCĐ HH do mua sắm :**

$$\text{Nguyên giá} = \text{Giá mua} + \text{Các khoản thuế không được hoàn lại} + \text{Chi phí khác} - \text{Các khoản giảm giá, chiết khấu}$$

VD: Ngày 15/9/N đơn vị mua 1 nhà xưởng phục vụ sản xuất, các chi phí phát sinh như sau:

- **Giá mua 330 triệu (đã bao gồm 10% VAT)**
- **Chi phí thu mua 13,2 triệu (đã bao gồm 10%**

VAT)

Yêu cầu:

Tính giá của nhà xưởng.

Biết đơn vị tính thuế theo phương pháp khấu trừ.



3.1 Tính giá tài sản cố định

- Tính giá TSCĐ hữu hình:

- **TSCĐ HH do đơn vị tự xây dựng, chế tạo:**

$$\begin{array}{l} \text{Nguyên} \\ \text{giá} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá trị quyết toán /} \\ \text{Giá thành thực tế} \\ \text{công trình} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Các chi} \\ \text{phí phát} \\ \text{sinh} \end{array}$$

- **TSCĐ HH do đơn vị được cấp phát:**

$$\begin{array}{l} \text{Nguyên} \\ \text{giá} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá trị theo đánh} \\ \text{giá thực tế của Hội} \\ \text{đồng giao nhận TS} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Các chi} \\ \text{phí phát} \\ \text{sinh} \end{array}$$

- **TSCĐ HH do đơn vị, cá nhân góp vốn liên doanh:**

$$\begin{array}{l} \text{Nguyên} \\ \text{giá} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá trị góp vốn do} \\ \text{các bên liên doanh} \\ \text{thống nhất} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Các chi} \\ \text{phí phát} \\ \text{sinh} \end{array}$$



3.1 Tính giá tài sản cố định

- **Tính giá TSCĐ vô hình:**

❖ **Khái niệm TSCĐ VH:** (VSA 03)

- Là tài sản không có hình thái vật chất do doanh nghiệp nắm giữ để sử dụng cho hoạt động SXKD, cung cấp dịch vụ hoặc cho thuê
- Phù hợp với tiêu chuẩn ghi nhận TSCĐ VH.

• **Tiêu chuẩn ghi nhận TSCĐ VH:** (VSA 03)

- + Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng TSCĐ VH đó
- + Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách đáng tin cậy
- + Thời gian sử dụng ước tính trên 1 năm
- + Có đủ tiêu chuẩn giá trị hiện hành.



3.1 Tính giá tài sản cố định

- **Tính giá TSCĐ vô hình:**

TSCĐ VH được xác định giá trị ban đầu theo Nguyên giá.

* Nguyên giá của TSCĐ vô hình là toàn bộ chi phí mà đơn vị phải chi ra để có được TSCĐ vô hình đến thời điểm tài sản đó được đưa vào sử dụng.

Ví dụ: Đơn vị A mua 1 phần mềm quản lý, các chi phí gồm:

- Giá mua: 170 triệu đồng (chưa bao gồm 10% VAT).
- Chi phí cài đặt, chạy thử: 22 triệu đồng (đã bao gồm 10% VAT).

Yêu cầu: Tính nguyên giá của phần mềm quản lý trên.
Biết rằng đơn vị tính thuế theo phương pháp khấu trừ.



3.1 Tính giá tài sản cố định

$$\text{Giá trị còn lại của TSCĐ} = \text{Nguyên giá của TSCĐ} - \text{Khấu hao lũy kế của TSCĐ}$$

Khấu hao lũy kế: là phần giá trị của TSCĐ đang sử dụng đã được phân bổ vào chi phí hoạt động của đơn vị.

Đối với đơn vị sản xuất, khấu hao của TSCĐ là phần giá trị của TSCĐ đã được phân bổ vào sản phẩm mới.

Giá trị còn lại: là số vốn đầu tư còn chưa phân bổ vào chi phí SXKD.



3.2 Tính giá thực tế NVL, CCDC, hàng hóa

- Tính giá thực tế NVL, CCDC, hàng hóa nhập kho:
 - Trường hợp đơn vị mua ngoài

$$\text{Giá thực tế} = \text{Giá mua} - \text{Chiết khấu TM, giảm giá hàng mua, giá trị hàng mua trả lại} + \text{Các khoản thuế không được NN hoàn lại} + \text{Chi phí thu mua khác}$$

- Trường hợp đơn vị tự chế biến và thuê ngoài chế biến

$$\text{Giá thực tế} = \text{Giá thực tế của VL xuất kho chế biến /đem gia công} + \text{CP vận chuyển, bảo quản, bốc dỡ khi giao và nhận} + \text{Chi phí chế biến, phải trả cho bên gia công}$$



3.2 Tính giá thực tế NVL, CCDC, hàng hóa

- Tính giá thực tế NVL, CCDC, hàng hóa xuất kho:
 - Phương pháp kê khai thường xuyên (KKTX):

Trong kỳ kế toán

Mỗi lần nhập, xuất
vật tư, hàng hóa

Theo dõi

Phản ánh

Tình hình nhập – xuất – tồn kho
Vật tư, hàng hóa

tồn cuối
kỳ

=

tồn đầu
kỳ

+

nhập
trong kỳ

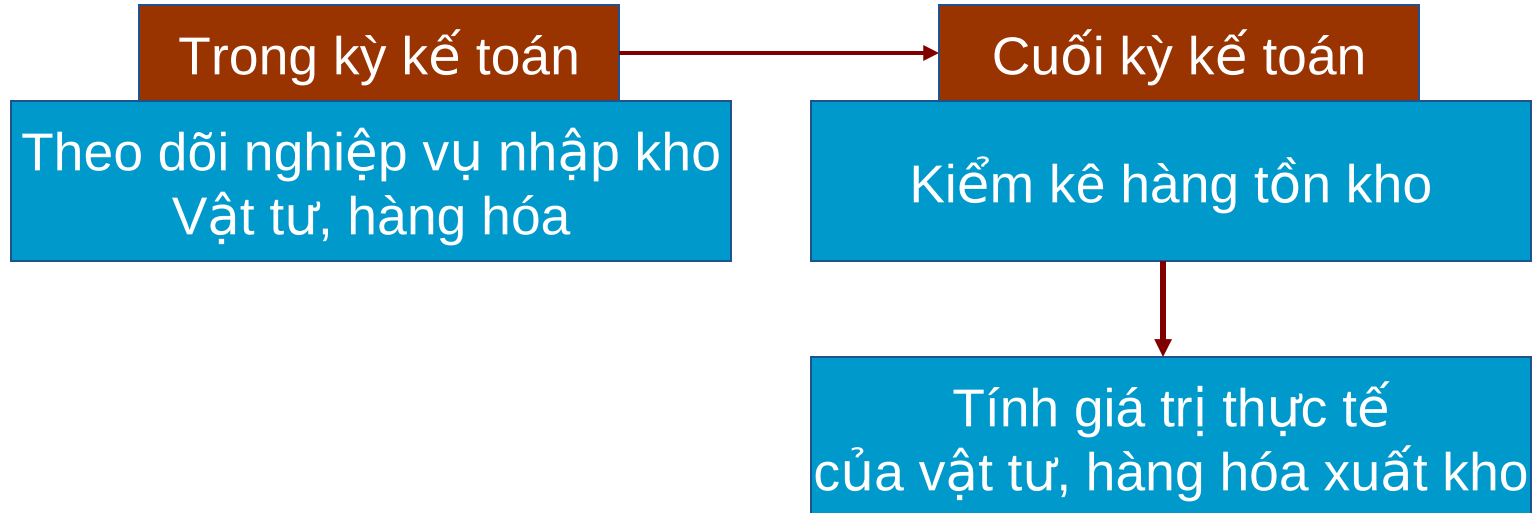
-

xuất
trong kỳ



3.2 Tính giá thực tế NVL, CCDC, hàng hóa

- Tính giá thực tế NVL, CCDC, hàng hóa xuất kho:
 - Phương pháp kiểm kê định kỳ (KKĐK):



$$\text{Giá trị hàng xuất trong kỳ} = \text{Giá trị hàng tồn đầu kỳ} + \text{Giá trị hàng nhập trong kỳ} - \text{Giá trị hàng tồn cuối kỳ}$$



3.2 Tính giá thực tế NVL, CCDC, hàng hóa

Tính giá thực tế NVL, CCDC, hàng hóa xuất kho trong kỳ
(Đối với PP KCTX)

Tính giá thực tế của hàng tồn kho cuối kỳ
(Đối với PP KKĐK)

Có 5 cách

Nhập trước xuất trước (FIFO)
Nhập sau xuất trước (LIFO)
Bình quân gia quyền
Giá thực tế đích danh
Giá thực tế tính theo hệ số



3.2 Tính giá thực tế NVL, CCDC, hàng hóa

- **Ví dụ**: VLC: * Tồn kho đầu tháng 2: 1.000kg
* Với giá thực tế: 15.000.000 đ.
- Ngày 2/2: Xuất kho VLC để SXSP 300 kg.
- Ngày 5/2: mua 500 kg, giá mua 15.050 đ/kg. Chi phí vận chuyển 150.000.
- Ngày 10/2: xuất kho VLC để SXSP 1.000 kg.
- Ngày 20/2: mua 1.500kg, giá mua 14.500 đ/kg. Chi phí vận chuyển 225.000 đ.
- Ngày 25/2: xuất kho VLC để SXSP 1.100 kg.

Yêu cầu: Tính giá VLC xuất kho theo PP FIFO, LIFO, BQGQ.

Biết rằng đơn vị:

- Hạch toán hàng tồn kho phương pháp KKTX
- Tính thuế GTGT theo PP khấu trừ .
- Giá mua, chi phí: chưa bao gồm VAT.



3.3 Tính giá thành phẩm nhập kho

Giá thành
sản xuất
thực tế



Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp
Chi phí nhân công trực tiếp
Chi phí sản xuất chung



3.4 Tính giá chứng khoán

- **Giá chứng khoán** = Giá vốn = Giá thực tế mua

$$\begin{array}{l} \text{Giá thực tế} \\ \text{mua} \end{array} = \text{Giá mua} + \begin{array}{l} \text{Chi phí đầu tư: chi} \\ \text{phí môi giới, tư vấn,} \\ \text{thuế, phí, lệ phí ...} \end{array}$$

- Giá xuất của chứng khoán được tính theo giá vốn.
 - Kế toán lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán khi có bằng chứng về sự giảm giá chứng khoán một cách thường xuyên trên thị trường.
- Nhằm phản ánh giá trị thuần của chứng khoán.



3.5 Tính giá ngoại tệ, vàng bạc, đá quý

- **Tính giá ngoại tệ:**

- Các loại ngoại tệ phát sinh tăng: phải quy đổi ra VNĐ theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế.
- Ngoại tệ phát sinh giảm: có cách tính như cách tính giá xuất kho NVL, CCDC, hàng hóa.
- Cuối năm tài chính, các loại tài sản có gốc ngoại tệ (Tiền ngoại tệ, nợ phải thu là ngoại tệ) phải được đánh giá theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do NHNN Việt Nam công bố vào thời điểm điều chỉnh.



3.5 Tính giá ngoại tệ, vàng bạc, đá quý

- **Tính giá vàng bạc, đá quý:**
 - Giá nhập kho: Giá thực tế (Giá mua + Chi phí liên quan).
 - Giá xuất kho: áp dụng phương pháp tính giá xuất kho hàng tồn kho.



4. Trình tự tính giá

- **Bước 1: Tổng hợp các chi phí thực tế**

- **Tổng hợp trực tiếp:** các chi phí liên quan trực tiếp đến một loại tài sản cụ thể được tập hợp trực tiếp cho loại tài sản đó.
- **Tổng hợp gián tiếp:** Các chi phí liên quan đến nhiều loại tài sản được tính toán phân bổ cho theo tiêu thức thích hợp cho từng loại tài sản

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí tính} \\ \text{cho tài sản} \\ \text{cụ thể} \end{array} = \frac{\text{Tổng chi phí cần phân} \\ \text{bộ cho các loại tài sản}}{\text{Tổng số đơn vị tiêu thức} \\ \text{thuộc các loại tài sản}} \times \begin{array}{l} \text{Số đơn vị tiêu} \\ \text{thức phân bổ} \\ \text{thuộc tài sản cụ} \\ \text{thể} \end{array}$$



4. Trình tự tính giá

- **Bước 2: Tính toán xác định giá thực tế của tài sản**
 - Quá trình hình thành tài sản diễn ra trong thời gian nhất định: mua TSCĐ, NVL, hàng hóa, quá trình SXSP đơn chiếc, SX SP theo đơn đặt hàng : cộng toàn bộ chi phí liên quan đến giá của tài sản.
 - Quá trình hình thành tài sản diễn ra liên tục trong suốt thời gian hoạt động của đơn vị: SXSP khối lượng lớn, việc hình thành tài sản diễn ra liên tục.

$$\text{Giá thực tế} = \text{CP SX dở dang đầu kỳ} + \text{CP phát sinh trong kỳ} - \text{CP dở dang cuối kỳ}$$



5. Ý nghĩa của tính giá

❖ Ý nghĩa của tính giá:

- Giúp xác định và tổng hợp nhiều thông tin cho công tác quản lý kinh tế.
- Là điều kiện để thực hiện chế độ hạch toán kinh tế (tập hợp các chi phí hoạt động để xác định kết quả kinh doanh).
- Giúp kế toán ghi nhận, phản ánh các đối tượng kế toán khác nhau vào chứng từ, tài khoản và tổng hợp thông tin vào các báo cáo kế toán.